

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

KHU VỰC 4

TỈNH ĐỒNG THÁP

Bản án số: 70/2026/DS-ST

Ngày: 17/3/2026.

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh;

2. Ông Nguyễn Văn Hiền.

- **Thư ký phiên Tòa:** Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 300/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: [Ngân hàng TMCP V \(V1\)](#);

Trụ sở: [Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội](#).

Đại diện theo pháp luật: Ông [Ngô Chí D](#) - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông [Đỗ Thành T](#) - Phó Giám đốc Trung tâm.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

1. Bà [Trần Thị Ái H](#) - Trưởng bộ phận. (có đơn xin vắng mặt)

2. Ông [Đào Thái T1](#) - Cán bộ xử lý nợ. (có đơn xin vắng mặt)

3. Bà [Nguyễn Thị Cẩm T2](#) - Cán bộ xử lý nợ. (có đơn xin vắng mặt)

4. Ông [Nguyễn Thanh D1](#) - Cán bộ xử lý nợ. (có đơn xin vắng mặt)

5. Bà [Luu Yến K](#) - Cán bộ xử lý nợ. (có mặt)

6. Ông [Huỳnh Thanh H1](#) - Cán bộ xử lý nợ. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông [Lý Văn H2](#), sinh năm 1999. (có mặt)

Địa chỉ: [Tổ H, ấp A, xã B, tỉnh Đồng Tháp](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn [Ngân hàng TMCP V](#) là chị [Luu Yến K](#) trình bày:

Ông [Lý Văn H2](#) có vay vốn tại [Ngân hàng TMCP V](#), hai bên có ký kết các hợp đồng tín dụng như sau: Hợp đồng tín dụng số LN2403182081698, số tiền vay 225.347.594đ, thời hạn vay 60 tháng, ngày giải ngân 20/3/2024. Mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Quá trình thực hiện hợp đồng ông [H2](#) vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 15/4/2024.

Tạm tính đến ngày 17/3/2026 ông [H2](#) nợ lại số tiền gốc là 172.404.709đ, lãi trong hạn là 3.049.910đ, lãi quá hạn 115.869.089đ. Tổng cộng: 291.323.708đ. Do ông [H2](#) đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên Ngân hàng đề nghị chấm dứt hợp đồng tín dụng trước thời hạn và buộc ông [H2](#) phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng nêu trên đồng thời yêu cầu ông [H2](#) phải tiếp tục trả tiền lãi đã thỏa thuận theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ cho Ngân hàng.

* Bị đơn ông [Lý Văn H2](#) trình bày: Ngày 20/3/2024 do có nhu cầu cần vốn kinh doanh tiệm sửa xe nên tôi có vay của [Ngân hàng TMCP V](#) và ký kết hợp đồng tín dụng như phía ngân hàng yêu cầu khởi kiện. Sau đó tôi có đóng lãi và vốn cho ngân hàng được số tiền khoảng 20.000.000đ và do việc kinh doanh thua lỗ nên tôi còn nợ lại ngân hàng số tiền nợ vốn và lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 17/3/2026 là 291.323.708đ. Do hiện nay không có khả năng trả nợ 01 lần, nên tôi đề nghị được tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký kết là trả vốn và lãi hàng tháng cho ngân hàng.

* Đại diện Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu của ông [H2](#), yêu cầu ông [H2](#) phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn [Ngân hàng TMCP V \(V1\)](#) (Sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự; Bị đơn có nơi cư trú tại [ấp A, xã B, tỉnh Đồng Tháp](#) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật số: 85/2025/QH15 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: Đại diện ngân hàng yêu cầu ông [Lý Văn H2](#) phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn cho ngân hàng tính đến ngày 17/3/2026 là 291.323.708đ. Phía ông [Lý Văn H2](#) thừa nhận còn nợ lại ngân hàng số tiền vốn và lãi như đại diện ngân hàng vừa trình bày.

Xét thấy, giữa Ngân hàng và ông [Lý Văn H2](#) thực tế có ký kết hợp đồng tín dụng số số LN2403182081698, số tiền vay 225.347.594đ, thời hạn vay 60 tháng, ngày giải ngân 20/3/2024. Mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Quá trình thực hiện hợp đồng ông [H2](#) vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 15/4/2024. Tạm tính đến ngày 17/3/2026 ông [H2](#) nợ lại số tiền gốc là 172.404.709đ, lãi trong hạn là 3.049.910đ, lãi quá hạn 115.869.089đ. Tổng cộng: 291.323.708đ. Do ông [H2](#) đã vi phạm thời gian trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng nên Ngân hàng yêu cầu chấm dứt hợp đồng tín dụng trước thời hạn và yêu cầu ông [H2](#) thanh toán số tiền nợ gốc và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Phía ông [H2](#) thừa nhận còn nợ lại số tiền vốn và lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 17/3/2026

là 291.323.708đ, do không có khả năng trả nợ 01 lần nên yêu cầu được trả dần số tiền nợ hàng tháng. Đại diện Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu trả dần của ông [H2](#).

Thấy rằng ông [H2](#) đã vi phạm cam kết nghĩa vụ trả nợ vốn và lãi đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng và vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử nghĩ cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông [H2](#) phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay, lãi trong hạn, lãi quá hạn của các hợp đồng tín dụng tổng cộng là 291.323.708đ, đồng thời ông [H2](#) có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ cho Ngân hàng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận, nên ông [H2](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật số: 85/2025/QH15 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn [Ngân hàng thương mại cổ phần V](#) có đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa là chị [Luu Yên K](#).

Buộc ông [Lý Văn H2](#) có trách nhiệm trả cho [Ngân hàng TMCP V](#) số tiền nợ vốn và lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 17/3/2026 theo hợp đồng tín dụng số LN2403182081698, ngày 20/3/2024 là 291.323.708đ (trong đó số tiền gốc là 172.404.709đ, lãi trong hạn là 3.049.910đ, lãi quá hạn 115.869.089đ).

Đồng thời ông [Lý Văn H2](#) có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền nợ vốn và lãi phát sinh sau ngày 17/3/2026 cho đến khi ông [Lý Văn H2](#) thanh toán xong số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2/ Về án phí:

- Ông [Lý Văn H2](#) phải chịu 14.566.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- [H3](#) lại cho [Ngân hàng TMCP V](#) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.801.513đ đồng, theo biên lai thu số 0009491, ngày 01/12/2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn trong vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV4-ĐT;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kim Thoa